

Số: 343/TTr-BCH

Kon Rẫy, ngày 15 tháng 5 năm 2023

### TỜ TRÌNH

Về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để bố trí xây dựng Dự án  
Trường bản, thao trường huấn luyện Ban chỉ huy Quân sự huyện Kon Rẫy

Kính gửi:

- UBND huyện Kon Rẫy;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Kon Tum ban hành quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi triển khai dự án đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 31/09/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà



nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố quyết định thu hồi đất khi thực hiện dự án đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 22/03/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Kon Rẫy;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Kon Rẫy;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh tên dự án, thay đổi địa điểm thực hiện dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Kon Rẫy;

Căn cứ Nghị Quyết số 05/NQ/HU ngày 14/12/2022 của Huyện ủy Kon Rẫy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 15/03/2023 của UBND huyện Kon Rẫy về việc Điều tra, khảo sát, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, thu hồi đất phục vụ GPMB Dự án Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban chỉ huy Quân sự huyện Kon Rẫy;

Căn cứ Thông báo số 28/TB-UBND ngày 20/03/2023 của UBND huyện Kon Rẫy về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban chỉ huy Quân sự huyện Kon Rẫy;


Ban Chỉ huy quân sự huyện Kon Rẫy đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện trình UBND huyện Kon Rẫy xem xét ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để bố trí xây dựng Dự án Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban chỉ huy Quân sự huyện Kon Rẫy với 17 hộ gia đình, cá nhân/44 thửa đất/95.988,4 m<sup>2</sup>, cụ thể như sau:

- + Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm: 11.397,5 m<sup>2</sup>;
- + Đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước: 2.261,1 m<sup>2</sup>;
- + Đất nông nghiệp trồng lúa nước còn lại: 615,6 m<sup>2</sup>;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 81.314,5 m<sup>2</sup>;
- + Đất nông nghiệp nuôi trồng thủy sản: 399,7 m<sup>2</sup>;


(Có danh sách thu hồi đất chi tiết kèm theo)

- Phạm vi địa giới hành chính và đối tượng được bồi thường: Thôn 7 xã Tô Lung, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Vị trí, ranh giới thửa đất thu hồi được xác định theo trích lục thu hồi đất thuộc các tờ bản đồ số 31, 35 thuộc xã Đăk Tơ Lung do Công Ty TNHH MTV Trắc địa Tín Nghĩa lập và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum phê duyệt (có trích lục thửa đất thu hồi chi tiết kèm theo).

Kính trình UBND huyện Kon Rẫy, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xem xét, Quyết định./ 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: BCH 

**CHỈ HUY TRƯỞNG**



Thượng tá Nguyễn Đức Ân





**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT CỦA TỘC CHỨC, HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN  
DỰ ÁN TRƯỜNG BÀN, THAO TRƯỜNG HUẤN LUYỆN BÀN CHÍ HUY QUÂN SỰ HUYỆN KON RÁY**  
(kèm theo Tờ trình số /Tr-BCH ngày /Thôn 7, xã Đăk Tô Lũng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum  
tháng / năm 2023 của Ban Chi huy quân sự huyện Kon Rẫy)

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Mục đích sử dụng đất	Diện tích đặc (m <sup>2</sup> )	Diện tích ảnh hưởng (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Số thửa CNQSD đất	Giá trị CNQSD đất	Thông tin quản lý sử dụng đất				Mục đích sử dụng đất
													Tên trên Giấy chứng nhận QSD đất	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Diện tích (m <sup>2</sup> )	
1		Thôn 7	31	104	NHK	7.588,9	6.612,70	976,2	15	15	H00647	Y Bloquent	10/04/2009	UBND huyện	6.993,0	NHK	
2		Thôn 7	31	144	NHK	361,1	361,10	-									
3		Thôn 7	35	6	LUC	466,4	466,40	-	45	6	CI 407285	A Biêng	24/11/2017	UBND huyện	541,6	LUC	
4		Thôn 7	35	10	LUC	171,0	171,00	-	35	10	CI 407283	A Biêng	24/11/2017	UBND huyện	197,4	LUC	
5		Thôn 7	35	13	LUC	199,5	199,50	-	35	13	CI 407283	A Biêng	24/11/2017	UBND huyện	177,7	LUC	
6		Thôn 7	35	15	LUC	212,4	212,40	-	45	1	CI 407285	A Biêng	24/11/2017	UBND huyện	221,6	LUC	
7	A Biêng	Thôn 7	35	20	LUC	176,9	176,90	-	35	20	CI 407284	A Biêng	24/11/2017	UBND huyện	184,8	LUA	
8		Thôn 7	35	22	LUC	160,6	41,90	118,7	35	22	CI 407284	A Biêng	24/11/2017	UBND huyện	144,9	LUA	
9		Thôn 7	35	50	NHK	463,7	463,70	-									
10		Thôn 7	35	51	NTS	190,2	190,20	-	35	2	CI 407287	A Biêng	24/11/2017	UBND huyện	349,2	NTS	
11		Thôn 7	35	56	LUC	141,8	141,80	-									
12		Thôn 7	35	57	LUC	156,7	156,70	-	35	18	CI 407286	A Biêng	24/11/2017	UBND huyện	674	LUC	
13		Thôn 7	35	58	CLN	342,1	232,90	109,2	15	15	H00647	Y Bloquent	10/04/2009	UBND huyện	6.993,0	NHK	
14		Thôn 7	31	128	CLN	1.056,4	1.052,70	3,7									
15	A Điểm	Thôn 7	31	129	NTS	52,4	52,40	-	26	21	BP 288145	A Điểm - Y Lốp	19/07/2013	UBND huyện	13.188,1	NHK	
16		Thôn 7	31	137	CLN	13.575,4	4.044,70	9.530,7									
17	A Điểm	Thôn 7	35	60	NHK	9.940,2	2.324,80	7.615,4	15	21	H00654	A Điểm - Y Tik	10/04/2009	UBND huyện	11775,0	CLN	
18	A Điểm - Y Tik	Thôn 7	35	61	CLN	2.242,8	39,80	2.203,0									
19	A Dôi	Thôn 7	31	102	NHK	3.796,5	3.796,50	-	16	15	AN 894435	A HRia	10/04/2009	UBND huyện	3.850,00	NHK	
20	A Dung	Thôn 7	31	131	NHK	836,9	794,30	42,6									
21	A Hé	Thôn 7	31	118	NHK	18.943,0	7.885,60	11.057,4	118	31	CI 407379	A Hé - Y Ngé	24/11/2017	UBND huyện	18741,1	CLN	
22		Thôn 7	31	46	NHK	3.837,0	3.837,00	-	15	3	H00611	A Khó - Y Seng	10/04/2009	UBND huyện	4.202,0	NHK	
23	A Khó	Thôn 7	31	117	CLN	1.016,5	1.016,50	-									

Phiếu ý kiến khu dân cư (khai hoang năm 2001)

Phiếu ý kiến khu dân cư (Ông A HRia khai hoang năm 2000 đến năm 2013 cho con ruột ông A Dung)



STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Mục đích sử dụng đất	Diện tích đo đạc (m <sup>2</sup> )	Diện tích ảnh hưởng (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Thông tin quản lý sử dụng đất							
									Tờ bản đồ	Số thửa	Giấy CNQSD đất	Tên trên Giấy chứng nhận QSD đất	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng đất
24	-	Thôn 7	31	127	NHK	3.344,5	1.942,50	1.402,0	26	9	BP288178	A Khó - Y Seng	19/07/2013	UBND huyện	5.518,0	NHK
25	A Noe	Thôn 7	31	134	CLN	5.124,2	3.774,20	1.350,0	15	6	H00618	A Kièk - Y Yeo	10/04/2009	UBND huyện	5418,5	LUC
26	A Nok	Thôn 7	31	85	NHK	8.114,0	8.114,00	-	15	8	H00629	A Nok	10/04/2009	UBND huyện	8051	NHK
27	A Páp	Thôn 7	31	64	NHK	3.848,9	3.848,90	-	15	7	H00619	A Kièk	10/04/2009	UBND huyện	1457,5	LUC
28		Thôn 7	35	7	NTS	157,1	157,10	-								
29		Thôn 7	35	14	LUC	173,9	173,90	-								
30		Thôn 7	35	19	LUC	176,2	176,20	-								
31	A Phong	Thôn 7	35	21	LUC	203,6	203,60	-								
32		Thôn 7	35	52	NHK	4.361,3	4.361,30	-								
33		Thôn 7	35	55	LUC	777,6	439,30	338,3								
34	A Préh	Thôn 7	31	135	NHK	9.829,4	9.829,40	-	15	4	H00631	A Préh	10/04/2009	UBND huyện	8838	NHK
35		Thôn 7	31	139	LUC	86,9	86,90	-								
36		Thôn 7	31	140	LUC	115,2	115,20	-								
37	A Xa	Thôn 7	31	141	LUC	115,0	115,00	-	15	5	H00644	A Xa	10/04/2009	UBND huyện	17630	CLN
38		Thôn 7	31	142	NHK	17.202,9	13.806,10	3.396,8								
39		Thôn 7	31	143	CLN	634,7	460,30	174,4								
40	Phan Văn Đường	Thôn 7	35	17	NHK	1.833,0	1.833,00	-	5	11	AH 007883	A Biêng	25/12/2006	UBND huyện	2.051,00	NHK
41	Võ Tuấn Tiên	Thôn 7	35	29	CLN	4.394,9	776,40	3.618,5	15	29	AN897521	Ngô Thị Hiệp	10/04/2009	UBND huyện	3.103,3	NHK
42		Thôn 7	31	132	NHK	2.340,4	2.340,40	-								
43	Nguyễn Tấn Sơn	Thôn 7	31	133	NHK	7.558,9	7.558,90	-								
44	Y Khá	Thôn 7	35	5	NHK	6.361,9	1.604,30	4.757,6	23	15	H00620	A Liễu - Y Khá	10/04/2009	UBND huyện	3766	NHK
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>142.682,9</b>	<b>95.988,4</b>	<b>46.694,5</b>								
STT		Loại đất		Mã	Diện tích											
1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	11.397,5													
2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	2.261,1													
3	Đất trồng lúa I vụ	LUC	615,6													
4	Đất trồng cây hàng năm khác	NHK	81.314,5													
5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	399,7													
<b>Tổng</b>			<b>95.988,4</b>													

Phiếu ý kiến khu dân cư (Khai hoang tháng 02/2001)

Phiếu ý kiến khu dân cư (Ông A Hải khai hoang năm 2000 đến năm 2013 bán cho ông Nguyễn Tấn Sơn)